

Bản án số: **102/2022/DS-ST**

Ngày: 16/9/2022

V/v: *Chia thừa kế theo pháp luật*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Vinh

2. Ông Nguyễn Đức Thành

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Mai Hoa- Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Phụng -
Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ L2 số: 47/2022/TLST-DS ngày 08/6/2022 về việc “Chia thừa kế theo pháp luật” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/QĐXX-DS ngày 11/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2022/QĐST-DS ngày 29/8/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Đĩnh Thị L**, sinh năm 1969 (xin vắng mặt)

Trú tại: Đội 2, thôn Đ, xã D, huyện T, Hà Nội

Bị đơn: Bà **Bùi Thị H**, sinh năm 1975 (có mặt)

Trú tại: Đội 7, xã N, huyện T, Hà Nội

Người có quyền, nghĩa vụ L3 quan:

1. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1956 (vợ ông C) (xin vắng mặt)

2. Anh Đĩnh Văn D, sinh năm 1983 (xin vắng mặt)

Cùng trú tại: Đội 7, xã N, huyện T, Hà Nội

3. Chị Đĩnh Thị P, sinh năm 1985 (xin vắng mặt)

Trú tại: xã Đại Áng, huyện T, Hà Nội

4. Chị Đĩnh Thị H1, sinh năm 1987 (xin vắng mặt)

Trú tại: Đội 8, xã N, huyện T, Hà Nội

5. Bà Đĩnh L1, sinh năm 1960 (xin vắng mặt)

HKTT: thôn Đ, xã D, huyện T, Hà Nội

6. Bà Đĩnh Thị A (tên gọi khác: TH), sinh năm 1972 (vắng mặt)

HKTT: Đội 7, xã N, huyện T, Hà Nội

- 7. Chị Đinh Thị L2, sinh năm 1997** (xin vắng mặt)
8. Chị Đinh Thị L3, sinh năm 1999 (xin vắng mặt)
9. Anh Đinh Văn Tuấn H2, sinh năm 2005 (xin vắng mặt)
Trú tại: Đội 2, thôn Đ, xã D, huyện T, Hà Nội
10. Chị Đinh Thu T, sinh năm 1994 (xin vắng mặt)
Trú tại: Đội 7, xã N, huyện T, Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Đinh Thị L trình bày:*

Bố mẹ bà là cụ Đinh Văn L (chết ngày 09/7/2002) và cụ Kim Thị R (chết ngày 21/8/2018). Cụ L, cụ R có 8 người con chung, lần L4 là:

- Ông Đinh Văn C, sinh năm 1956 (chết năm 2009), Ông C có vợ là bà Nguyễn Thị B; ông C và bà B có 03 người con chung là anh Đinh Văn D, chị Đinh Thị P và chị Đinh Thị H1, ngoài ra, ông C và bà B không còn người con chung, con nuôi, con riêng nào khác.

- Bà Đinh L1, sinh năm 1960

- Ông Đinh Văn T2, sinh năm 1962 (chết năm 2007), trước khi chết không có vợ, con gì.

- Bà Đinh Thị L4 (chết năm 1980), trước khi chết không có chồng, con gì.

- Ông Đinh Văn T3 (sinh năm 1967, chết năm 1995), có vợ là bà Hoàng Thị H2, đã chết, ông T3, bà H2 có 01 con chung là chị Đinh Thu T, sinh năm 1994, trú tại: Đội 7, xã N, huyện T, Hà Nội, ngoài ra không còn con chung, con nuôi, con riêng nào khác.

- Bà Đinh Thị L, sinh năm 1969

- Bà Đinh Thị A (tên gọi khác: TH), sinh năm 1972, đã bỏ nhà đi từ năm 2018, đến nay không có tin tức gì.

- Ông Đinh Văn B, sinh năm 1973 (chết ngày 03/12/2017), có vợ là bà Bùi Thị H và 3 con là chị Đinh Thị L2, chị Đinh Thị L3, anh Đinh Văn Tuấn H2. Ngoài ra, ông B, bà H không còn người con chung, con nuôi, con riêng nào khác.

Ngoài 08 người con chung nêu trên, hai cụ không còn người con chung, con nuôi, con riêng nào khác.

Năm 1980, bà L4 chết không để lại di chúc.

Năm 1995, ông T3 chết không để lại di chúc.

Năm 2002, cụ L chết không để lại di chúc.

Năm 2007, ông T2 chết không để lại di chúc.

Năm 2009, ông C chết, không để lại di chúc.

Năm 2017, trước khi ông B chết, ông B đã được bà A cho thừa số 125-6, tờ bản đồ số 24 tại Đội 7, thôn N, xã N, huyện T, Hà Nội. Ông B, bà H quản L2, sử dụng thửa đất này, không có tranh chấp gì.

Ngày 28/8/2017, ông B đã được Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên.

Ngày 03/12/2017, ông B chết không để lại di chúc.

Sau khi ông B chết, bà H là người quản L2, sử dụng thửa đất. Trên thửa đất này hiện chỉ có một mái tôn lợp tạm để đồ, và không có ai đang sinh sống.

Năm 2018, cụ R chết không để lại di chúc.

Nay bà L làm đơn này khởi kiện xin chia di sản thừa kế của cụ R để lại là kỷ phần thừa kế mà cụ R được hưởng trong di sản thừa kế do ông B để lại, cụ thể là thửa đất số 125-6, tờ bản đồ số 24 tại Đội 7, thôn N, xã N, huyện T, Hà Nội đã được Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/8/2017 mang tên ông Đinh Văn B. Quá trình giải quyết vụ án, bà L đồng ý nhường kỷ phần thừa kế bà được hưởng cho bà H quản L2, sử dụng.

** Bị đơn là bà Bùi Thị H trình bày:*

Bà H là vợ của ông B, bà và ông B kết hôn năm 1997. Bà H xác nhận toàn bộ lời trình bày của bà L về quan hệ gia hệ, huyết thống và về nguồn gốc thửa đất cũng như quá trình quản L2, sử dụng thửa đất.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ R được hưởng của ông B là thửa đất số 125-6, tờ bản đồ số 24 tại Đội 7, thôn N, xã N, huyện T, Hà Nội, quan điểm của bà là nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà L. Nhưng do thửa đất có nguồn gốc là của các cụ để cho con cháu, vợ chồng bà cũng đã ở tại nhà đất này từ lâu và sau khi ông B mất, bà cũng là người trực tiếp đang quản L2, sử dụng thửa đất này, gia đình bà còn các con nhỏ, cần có chỗ ở, nên tôi xin bà L cho bà được toàn quyền tiếp tục quản L2, sử dụng thửa đất. Những người L3 quan có ý kiến nhường kỷ phần thừa kế cho bà thì bà xin nhận.

** Những người có quyền, nghĩa vụ L3 quan là bà B, anh D, chị P, chị H1, bà Là, chị L2, chị L3, anh H2, chị T thống nhất trình bày:*

Những người L3 quan xác nhận toàn bộ lời trình bày của bà L về quan hệ gia hệ, huyết thống và về nguồn gốc thửa đất cũng như quá trình quản L2, sử dụng thửa đất.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ R được hưởng của ông B là thửa đất số 125-6, tờ bản đồ số 24 tại Đội 7, thôn N, xã N, huyện T, Hà Nội, những người L3 quan đề nghị Tòa án chia thừa kế di sản của cụ R, trường hợp được hưởng thừa kế, thì xin được nhường toàn bộ kỷ phần thừa kế được hưởng cho bà H.

Do bà A đã bỏ đi từ lâu, gia đình không L3 lạc được, nên trường hợp bà A được chia hưởng thừa kế, đề nghị Tòa án cử bà H quản L2 kỷ phần thừa kế của bà A do bà H đang quản L2, sử dụng thửa đất trên.

Tại phiên tòa:

- Bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Trường hợp bà H được giao quản L2 kỷ phần của bà A được hưởng thì bà H tự nguyện chịu án phí đối với phần tài sản này.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T có quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án thụ L2 vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư C người tham gia tố tụng, tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử điều khiển phiên tòa theo đúng trình tự, thủ tục. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn. Chia di sản thừa kế của ông Đinh Văn B theo pháp luật, chia di sản thừa kế của cụ R là kỷ phần thừa kế cụ R được hưởng trong khối di sản thừa kế của ông B theo pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc nhường kỷ phần thừa kế mình được hưởng cho bà H. Cử bà H quản L2 kỷ phần thừa kế của bà A do bà H đang quản L2, sử dụng thửa đất trên. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, các chứng cứ và tài liệu do các đương sự xuất trình, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quan điểm phản đối của bị đơn, quan điểm của những người có quyền, nghĩa vụ L3 quan trong vụ án cùng các tài liệu, chứng cứ do các đương sự xuất trình, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật giải quyết vụ án là Tranh chấp chia thừa kế theo pháp luật quy định tại khoản 5 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.3. Về việc tham gia tố tụng của các đương sự: Theo cung cấp của chính quyền địa P, người có quyền, nghĩa vụ L3 quan là bà Đinh Thị A đã đi khỏi địa P, không rõ đi đâu, đến nay vẫn không có tin tức gì. Tòa án nhân dân huyện T đã thông báo trên các P tiện thông tin đại chúng và niêm yết các văn bản tố tụng đối với bà A theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn là bà Đinh Thị L và những người có quyền, nghĩa vụ L3 quan khác đều xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về những người thuộc hàng thừa kế: Cụ R chết năm 2018, ông B chết năm 2017, khi chết đều không để lại di chúc. Căn cứ Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định: hàng thừa kế thứ nhất của ông B là bà Bùi Thị H, chị Đinh Thị L2, chị Đinh Thị L3, anh Đinh Văn Tuấn H2, cụ Kim Thị R; Hàng thừa kế thứ nhất của cụ R là ông Đinh Văn C, bà Đinh L1, ông Đinh Văn T2, bà Đinh Thị L4, ông Đinh Văn T3, bà Đinh Thị L, bà Đinh Thị A, ông Đinh Văn B. Ông T2, bà L4 trước khi chết đều chưa kết hôn và không có con nên những

người được hưởng di sản thừa kế của cụ R là ông C, bà L, ông T3, bà L, bà A, ông B. Ký phần thừa kế của ông C do anh Đinh Văn D, chị Đinh Thị P và chị Đinh Thị H1 hưởng thừa kế thế vị; Ký phần thừa kế của ông T3 do chị Đinh Thu T hưởng thừa kế thế vị; Ký phần thừa kế của ông B do chị Đinh Thị L2, chị Đinh Thị L3, anh Đinh Văn Tuấn H2 hưởng thừa kế thế vị theo Điều 652 Bộ luật dân sự.

2.2. *Về di sản thừa kế:* Khi còn sống, ông B có khối tài sản là thửa đất số 125-6, tờ bản đồ số 24, diện tích 48,5m² tại Đội 7, thôn N, xã N, huyện T, Hà Nội. Hồ sơ địa chính và hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện: theo bản đồ đo đạc năm 1986, thửa đất trên thuộc một phần thửa đất số 366, tờ bản đồ số 01, diện tích 292m², loại đất thổ cư, chủ sử dụng đất là Nguyễn Văn L (tức Đinh Văn L). Theo bản đồ đo đạc năm 1994, thửa đất trên thuộc một phần thửa đất số 125, tờ bản đồ số 24, sổ mục kê tạm ghi chủ hộ là ông Đinh Văn C. Căn cứ lời khai của các đương sự, thửa đất trên là của cụ L, cụ R. Khoảng từ năm 1990-1994, ông C trồng rau trên thửa đất này nên sổ mục kê năm 1994 mới ghi tên ông C. Sau đó thửa đất này để trống, không sử dụng. Năm 2017, các con của cụ L, cụ R đã họp và thống nhất để bà A đứng tên trên thửa đất. Ngày 08/6/2017, bà A đã được Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày đổi với thửa đất trên, các anh chị em trong gia đình đều nhất trí, không có ý kiến gì. Ngày 02/8/2017, bà A đã tặng cho ông B toàn bộ thửa đất theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số chứng thực: 2663/2017, quyển số 06 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Nghiêm Văn Nho. Ông B đã được Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/8/2017 mang tên ông Đinh Văn B. Kết quả đo đạc hiện trạng nhà đất đang tranh chấp của Công ty TNHH Địa chính công trình Hà Nội thể hiện diện tích thực tế là 44,4m², chênh lệch giảm 3,6m² so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp cho ông B. Do các hộ giáp ranh liền kề đã xây dựng các công trình kiên cố và không có tranh chấp gì về ranh giới nên, Hội đồng xét xử xác định diện tích đất thuộc di sản thừa kế của ông B là 44,4m².

Trên đất hiện có 01 mái tôn khung sắt làm kho để đồ, ngoài ra không còn công trình xây dựng, tài sản, cây cối gì khác. Mái tôn do bà H xây dựng khoảng năm 2019 nên không thuộc là di sản thừa kế của ông B.

Di sản thừa kế của cụ R mà bà L yêu cầu chia thừa kế là một ký phần thừa kế cụ R được hưởng trong khối di sản thừa kế của ông B.

2.3. *Về thời điểm mở thừa kế:* Hội đồng xét xử xác định thời điểm mở thừa kế của cụ R là ngày 21/8/2018; thời điểm mở thừa kế của ông B là ngày 03/12/2017.

2.4. *Về việc chia thừa kế:* Hội đồng xét xử chia thừa kế theo pháp luật và xác định quyền sở hữu tài sản của các đương sự như sau:

* *Lần mở thừa kế thứ nhất:* Giá trị di sản thừa kế của ông B là: $44,4\text{m}^2 \times 17.500.000 \text{ đồng/m}^2 = 777.000.000 \text{ đồng}$, chia cho 05 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất là cụ R, bà H, chị L2, chị L3, anh H2. Giá trị mỗi kỷ phần là: $777.000.000 \text{ đồng} : 5 = 155.400.000 \text{ đồng}$.

Chị L2, chị L3, anh H2 tự nguyện nhường kỷ phần thừa kế của mình cho bà H, do đó, bà H được hưởng: $155.400.000 \text{ đồng} \times 4 = 621.600.000 \text{ đồng}$.

* *Lần mở thừa kế thứ hai:* Giá trị di sản thừa kế của cụ R là 155.400.000 đồng, chia cho 06 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất là ông C, bà Là, ông T3, bà L, bà A, ông B. Giá trị mỗi kỷ phần là: $155.400.000 \text{ đồng} : 6 = 25.900.000 \text{ đồng}$.

Bà Là, bà L, các con ông C là anh Đinh Văn D, chị Đinh Thị P và chị Đinh Thị H1, con của ông T3 là chị Đinh Thu T và các con ông B là chị Đinh Thị L2, chị Đinh Thị L3, anh Đinh Văn Tuấn H2 tự nguyện nhường kỷ phần thừa kế của mình cho bà H, do đó, bà H được hưởng: $25.900.000 \text{ đồng} \times 5 = 129.500.000 \text{ đồng}$. Tổng giá trị kỷ phần thừa kế bà H được hưởng là $621.600.000 \text{ đồng} + 129.500.000 \text{ đồng} = 751.100.000 \text{ đồng}$.

Bà A được hưởng 25.900.000 đồng. Do bà A đã bỏ nhà đi từ năm 2018, đến nay không có tin tức gì, nên giao bà H quản L2 kỷ phần thừa kế bà A được hưởng cho đến khi bà A trở về địa P.

Trên cơ sở hiện trạng tài sản, nguyện vọng của đương sự, Hội đồng xét xử chia hiện vật như sau:

Chia cho bà Bùi Thị H quản L2, sử dụng 44,4m² đất có giá trị 777.000.000 đồng, trên đất có 01 mái tôn khung sắt (có sơ đồ đo đạc kèm theo).

Đối với diện tích đất được giao, đương sự có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo bản án có hiệu lực pháp luật.

Người phải thi hành án phải chịu lãi suất của số tiền chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 13, khoản 7 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L2 và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nghĩa vụ nộp án phí của các đương sự được xác định như sau:

- Bà H phải nộp $20.000.000 \text{ đồng} + 4\% \times 351.100.000 \text{ đồng} = 34.044.000 \text{ đồng}$ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Bà H tự nguyện nộp án phí đối với kỷ phần thừa kế chia cho bà A được giao cho bà H quản L2 là: $25.900.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.295.000 \text{ đồng}$ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm bà H phải nộp là: 35.339.000 đồng.

- Trả lại bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;
- Điều 468, 623, 609, 612, 614, 650, 651, 652, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L2 và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của bà Đinh Thị L đối với bà Bùi Thị H.

2. Xác nhận quyền sử dụng thửa đất số 125-6, tờ bản đồ số 24, diện tích 44,4m² tại Đội 7, thôn N, xã N, huyện T, Hà Nội là di sản thừa kế của ông Đinh Văn B để lại có giá trị 777.000.000 đồng.

- Xác nhận di sản thừa kế của cụ Kim Thị R để lại có giá trị 155.400.000 đồng.

3. Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Kim Thị R là ngày 21/8/2018; thời điểm mở thừa kế của ông Đinh Văn B là ngày 03/12/2017.

4. Xác nhận những người được thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông Đinh Văn B là cụ R, bà H, chị L2, chị L3, anh H2. Mỗi kỹ phần trị giá là 155.400.000 đồng.

4.1. Xác nhận những người được thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Kim Thị R là ông C, bà Là, ông T3, bà L, bà A, ông B. Mỗi kỹ phần trị giá là 25.900.000 đồng.

4.2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Là, bà L, các con ông C là anh Đinh Văn D, chị Đinh Thị P và chị Đinh Thị H1, con của ông T3 là chị Đinh Thu T và các con ông B là chị Đinh Thị L2, chị Đinh Thị L3, anh Đinh Văn Tuấn H2 nhường kỹ phần thừa kế của mình được hưởng cho bà H. Xác nhận bà H được hưởng kỹ phần thừa kế trị giá 751.100.000 đồng

4.3. Chia cho bà A được hưởng kỹ phần thừa kế trị giá là 25.900.000 đồng. Giao bà H quản L2 kỹ phần thừa kế bà A được hưởng cho đến khi bà A trở về địa P.

5. Chia hiện vật tại thửa đất số 125-6, tờ bản đồ số 24, diện tích 44,4m² tại Đội 7, thôn N, xã N, huyện T, Hà Nội như sau:

Giao bà Bùi Thị H quản L2, sử dụng 44,4m² đất có giá trị 777.000.000 đồng, trên đất có 01 mái tôn khung sắt (có sơ đồ đo đạc kèm theo).

6. Các đương sự có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về án phí và quyền kháng cáo:

- Bà H phải nộp 35.339.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.
- Trả lại bà Đinh Thị L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 18.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 62574 ngày 03/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các bên đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thắng